

Buổi Chiều Và Em Lâm Viên.

Lê Anh, K27

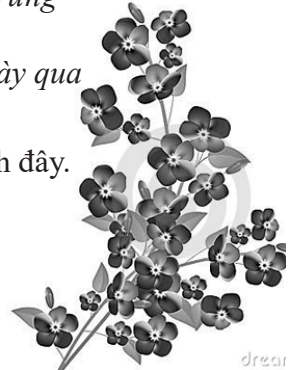
Vắng em nỗi nhớ cuối chiều
Nắng buồn xé bóng nghe nhiều băng khuâng
Mây xa ngọn tháp bay ngang
Trắng mùa thương cũ còn mang điệu chào

*Bước chân đời bước hôm nào
Muôn ngàn nẻo khó đã vào thiên thu
Vắng em giờ biết tương tư
Hồn hoang lũng suối chiều như bạt ngàn*

Một mình giữa những vỡ tan
Đòi thông kia dấu tro tàn lại rơi
Nhìn theo đời thấy mù khơi
Còn trong kỷ niệm xưa người lặng thinh

*Xa nhau chiều rữ xuống mình
Vắng em chim bỏ nhân sinh về rừng
Vọng buồn dâu bể rưng rưng
Ngày chưa qua hết tận cùng ngày qua*

Vắng em nỗi nhớ thật thà
Tháng năm sương muộn cõi già tình đây.



dream



CÁC VỊ CHỈ HUY TRƯỞNG CỦA TVBQGVN TRONG THỜI GIẠN K19 THỤ HUẤN.

Đặng Đình Liêu, K19

Khi khoá vừa gia nhập TVBQGVN, Trung Tá Trần Ngọc Huyền đã là Chỉ Huy Trưởng của trường VB. Trong 8 tuần lễ Tân Khoá Sinh đầu tiên, chúng tôi ít có dịp thấy ông, nếu có thì chỉ thấy bóng dáng của ông từ xa. Khi Khoá 19 là SVSQ, chúng tôi mới hay được gặp ông vì ông hay lên lớp, giảng dạy cho chúng tôi trong giờ học Đạo Đức, vào mùa văn hoá. Ông có tài ăn nói nên một số lớn vẫn say sưa nghe giảng, mặc dù môn học rất khô khan. Tuy nhiên, cũng có một số ít muốn tránh giờ học này. Một hôm, Trung tá Huyền gọi tên một SVSQ trong đại đội của tôi trả lời câu hỏi. Khi xưng danh, ông thấy tên của anh này không giống tên đã được ghi trong sơ đồ lớp học nên ông giận, đã ra lệnh phạt cả ĐĐ chạy 10 vòng sân Vũ Đình Trường. Giữa trưa, trời nóng nên có nhiều người bị sủi vì vừa đói và mệt.

Chúng tôi lại bị phạt thêm một lần khác vào mùa Quân Sự. Vì đi học từ bãi tập về trễ nên chúng tôi nghĩ rằng các SQ cán

bộ đã nghỉ để ăn trưa, vì thế hàng lối đoàn quân không còn giữ nghiêm chỉnh khi di chuyển. Nào ngờ, Trung Tá Huyền tình cờ trông thấy nên đã dừng xe và ra lệnh một SQ cán bộ phạt chúng tôi ôm súng đạn, ba lô, mũ sắt chạy lên, rồi xuống thông thủy ngay cạnh Vũ Đình Trường 10 lần. Giống như lần trước, trưa hôm đó trời gay gắt khác thường khiến nhiều người trong chúng tôi đã bị ngất xỉu.

Ngày 26 tháng 10 năm 1963 là ngày Quốc khánh, trong khi ngày 23 tháng 11 năm 1963 là ngày mãn Khóa 18 nên họ đã không thể nào về Sài Gòn diễn hành. Vì thế, khóa 19 đã phải tập dượt liên tục để thay thế. Chúng tôi được Đại Úy Huỳnh Bửu Sơn huấn luyện đặc biệt để biểu diễn cơ bản thao diễn. Những động tác này bao gồm: tung súng, đổi súng, quay súng, v...v... cộng thêm phần đi theo nhịp trống để biến đội hình diễn hành ra các hình tam giác, vòng tròn, hình thoi. Cuộc biểu diễn chấm dứt khi các SVSQ quỳ xuống với vị thế súng chào, hoàn thành hàng chữ “VBQG”. Màn tung súng được coi là nguy hiểm nhất vì báng súng được đánh “vernì” (sơn gỗ) thật bóng và các SVSQ phải đeo găng trắng, nên súng rất trơn dễ tuột khỏi tay cầm, va vào người kế cận.

Để hoàn thành việc huấn luyện, Đại úy Huỳnh Bửu Sơn đã tận dụng thời gian trước giờ đi ăn. Liên Đoàn SVSQ phải tập hợp thành đội hình diễn hành đi trên sân cỏ, trước doanh trại các đại đội, tới Phạm Điểm. Mỗi SVSQ phải có một sợi dây thung nhỏ. Một đầu được buộc vào con đĩa bên tay trái của quần trận hay kaki. Đầu dây còn lại được buộc vào một thanh tre nhỏ giống như đũa dài khoảng 10cm để tay cầm. Khi đi diễn hành, các SVSQ sẽ đánh tay trái lên ngang hông người đi trước, làm sao để hàng các tay như nằm trên một mặt phẳng và điều chỉnh chiều dài sợi dây cho thích hợp. (Tay phải đang giữ súng trên vai.) Ngoài ra, trong thời gian học văn hóa hay quân sự các SVSQ cũng phải đều bước khi đến lớp học cũng như khi trở về doanh trại của mình.

Những lúc tập về diễn hành ở Sài Gòn cũng như biểu diễn

cơ bản thao diễn luôn luôn có ban Quân Nhạc của trường. Vì tập nhiều nên ban Quân Nhạc cũng đôi khi mệt mỏi, đôi khi đánh quá chậm so với nhịp quân hành làm SVSQ K19 đi loạt choạc. Thật không may mắn, Trung Tá CHT đi ngang qua chỗ tập. Hậu quả là Trung Tá Huyền đã phạt cả khoá 19 và ban Quân Nhạc. Đó là lần bị phạt nặng nhất mà K19 nhớ suốt đời.



*SVSQ Đặng Đình Liêu,
Cán Bộ SVSQ Đại Đội
Trưởng Đại Đội C, 1963.*

Vào ngày Quốc Khánh 26 tháng 10 năm 1963, khi khối TVBQG đang đi diễn hành tới gần khán đài, đột nhiên 4 đến 6 trực thăng bay thấp và sát phía trên làm đoàn diễn hành không nghe được tiếng trống của ban quân nhạc. Thiếu tá Lê Trí Tín, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn SVSQ, đã dùng khẩu lệnh để đoàn diễn hành đi theo nhịp đếm. Kết quả Trường Thiểu Sinh Quân và TVBQG đồng hạng nhất...

Ngày 01 tháng 11 năm 1963, quân đội dưới quyền của Hội Đồng Tướng Lãnh đã đảo chính Tổng thống Ngô Đình Diệm. Đại tá Huyền, CHT/ TVBQG, được bổ nhiệm làm Quân Trấn Trưởng Thị Xã Đà Lạt. Ông đã cho lệnh điều động các ĐĐ/ SVSQ giữ an ninh những nơi trọng yếu. Vì các SVSQ/ K18 đã rời trường theo học khóa “Rừng Núi Sinh Lây” tại TTHL/ BĐQ/ Dục Mỹ, nên mọi việc đều do khoá 19 đảm nhiệm. Trong thời gian này, Trung úy Lý Văn Mạo là SQ Cán Bộ ĐĐ/C, còn tôi là SVSQ Cán Bộ ĐĐT được điều động giữ an ninh thác Prenn.

Ngày 23/11/1963, K18 ra trường. Trong buổi lễ mãn khóa, K19 đã biểu diễn cơ bản thao diễn thành công mỹ mãn. Quan khách đã vỗ tay cổ vũ nồng nhiệt màn biểu diễn này. K19 là khóa đầu tiên và duy nhất đã trình diễn cơ bản thao diễn với số lượng SVSQ tham dự đông đảo.

Đại tá Trần Ngọc Huyền rời TVBQG ngày 05 tháng 01 năm 1964 về làm Thứ Trưởng Bộ Thông Tin. Cùng ngày Trung Tướng Trần Tử Oai, đang trông coi chương trình diệt trừ sốt rét, được bổ nhiệm về làm CHT/ TVBQGVN.

Đại Tá Trần Ngọc Huyền từng đảm trách chức vụ Chỉ Huy Phó kiêm Văn Hóa Vụ Trưởng vào tháng 10 năm 1960. Từ năm 1961 đến 05/ 01/ 1963, Đại Tá Huyền chính thức là CHT/ TVBQG.

Trong những giờ học đạo đức, Đ/T Huyền cố gắng truyền đạt hướng dẫn chúng tôi những kiến thức về lãnh đạo, chỉ huy”, những kinh nghiệm thực tế về tình trạng quân đội VNCH lúc bấy giờ. Ông đã luôn hướng dẫn chúng tôi về lý tưởng đối với quốc gia dân tộc, khuyến khích nhiệt tâm phục vụ đất nước trong tinh thần trách nhiệm và dấn thân.

Với nhãn quan của một sĩ quan cao cấp có trình độ, theo tôi, ông đã thành công khi thực hiện ý định đào tạo một thế hệ sĩ quan mới, thích hợp với đời sống văn minh trên toàn thế giới, đang dần xâm chiếm vào đời sống của dân chúng VN lúc đó.

Tìm cách giúp SVSQ làm quen với cách ăn uống (dùng muỗng, nĩa) và giao tế, cũng như cung cách xử thế theo kiểu Tây Phương (cách đi đứng, giao tế với phụ nữ, với người lớn tuổi hơn, với những người có vị trí xã hội cao hơn, với người ngoại quốc), mà hồi đó còn xa lạ với đời sống bình thường của dân chúng VN, ông đã có những hướng dẫn đặc biệt. Khi được xuất trại vào ngày thứ Bảy hoặc Chủ Nhật không về ăn cơm ở Phan Điểm, các SVSQ phải thông báo cho Ban Hoá Thực để họ tiết kiệm ngân quỹ đủ cho một bữa cơm Tây hàng tháng để các SVSQ làm quen. Trường cũng cử một sĩ quan thuộc khối Văn Hoá Vụ, đã có dịp du học từ Pháp về, hướng dẫn SVSQ cách dùng muỗng nĩa và cách ứng xử trong giao tế. Ngoài ra, SVSQ, có thân nhân thăm viếng, có thể ghi tên mượn ngựa cưỡi dạo quanh Hồ Xuân Hương, Cam Ly,... Đã có vài SVSQ bị ngã gãy tay vì gặp ngựa chúng...

Những hướng dẫn này chỉ là vụn vặt, nhưng nó cũng đã giúp sĩ quan tốt nghiệp “noble” (lịch lãm) hơn, dễ dàng hơn giao thiệp với xã hội bên ngoài đang thay đổi thích ứng với văn minh phương Tây, thành công hơn, tự tin hơn khi giao tiếp với quân đội Đồng Minh, hoặc du học nước ngoài.

Có thể nói, quan niệm huấn luyện của ông đã ảnh hưởng sâu sắc đến các khoá mà ông đã trực tiếp huấn luyện, mà còn đến mãi đến các khoá sau này. Những việc ông làm đã được các khoá đàn em truyền tụng cho nhau.

(Khi có dịp đặt câu hỏi với NT Nguyễn Minh Chánh, K16, là tại sao Đại Tá Huyền đã có những ảnh hưởng sâu sắc đối với các SVSQ và sĩ quan tốt nghiệp, trong thời gian ông là Chỉ Huy Trưởng? NT Chánh đã tóm tắt như sau:

Đại Tá Huyền đã luôn hướng dẫn SVSQ:

- Hiểu rõ nghệ thuật chỉ huy (luôn sáng tạo, không rập khuôn).

- Tác động tâm lý đến SVSQ, nâng cao tinh thần trách nhiệm.

- Xác định ranh giới rõ rệt giữa Quốc Gia và CS.

- Tạo cho sinh viên tự tin có thể làm được mọi việc nếu có quyết tâm.

Kể từ đây, khi nói đến SVSQ/ VB là phải nói đến “Đa Hiệu”.)

Ngay từ những ngày đầu, Trung Tướng Trần Tử Oai, CHT, đã thay đổi tổ chức LĐ/ SVSQ bằng cách tách K19 và K20 ra thành những ĐĐ chỉ hoàn toàn là K19 và K20. Khoá 20 ở ĐĐ/A và ĐĐ/C nhập thành ĐĐ/A do Hệ thống tự chỉ huy của K19 đảm trách. Tôi được chuyển sang chỉ huy ĐĐA/ K20. Anh Nguyễn Văn Trọng chỉ huy ĐĐ/A và ĐĐ/C / K19. Sáu ĐĐ khác như B, D, E, G, F, H cũng tổ chức như vậy. Từ đây K20 ít chịu sự kiểm soát của K19 so với trước kia.

Sinh hoạt hàng ngày của LĐ/ SVSQ cũng có nhiều thay đổi. Trung Tướng CHT ra lệnh SVSQ viết nhật ký trong 1

cuốn sổ cỡ 20x30 cm, dày khoảng 100 trang, ngoài bìa ghi rõ tên tuổi, và đại đội của mỗi SVSQ. Hàng ngày sau giờ tự học khoảng 15:00 giờ, LĐ/ SVSQ tập họp tại sân cỏ trước doanh trại, với quần short zizou màu sắc giống như kiểu của dân Hawaii nước Mỹ, áo T shirt, tập dượt Boxing, Judo, hay Taekwondo.

Ngoài ra Trung Tướng Oai cũng lần lượt mời các SVSQ trong Hệ Thống Tự Chỉ Huy ra dùng cơm tại tư dinh của ông, ở ngoài thành phố Đà Lạt. Lối sinh hoạt này đã thay đổi hoàn toàn truyền thống lâu đời của TVBQG.

Ngày 30/04 /1964 Trung Tướng Oai được bổ nhiệm làm Tổng Trưởng Thông Tin và Đại Tá Trần Văn Trung được bổ nhiệm làm CHT/ TVBQG thay thế Trung Tướng Trần Tử Oai.



Đại Tá Trung đã cho tổ chức Liên Đoàn SVSQ và Hệ Thống Tự Chỉ Huy lại như cũ. Trước ngày mãn khóa 3 tháng, khoá 19 đề đạt nguyện vọng được mặc “complet” xuất trại vào ngày cuối tuần. Phu nhân của Đại tá CHT đã có nhận xét:

Đại Tá Trần Ngọc Huyền, 1964. (Cấp bậc đại tá đeo trên cổ áo lúc này là 3 mai bạc..)

- “Tôi thấy SVSQ trong quân phục dạo phố đẹp hơn.”

Tuy nhiên K19 cũng được phép mặc thường phục khi xuất trại.

Cũng trong thời gian này, đội bóng tròn của TVBQG mà các cầu thủ là SVSQ/ K19 đã tham dự giải bóng tròn của Tỉnh Tuyên Đức. Trong trận chung kết, đội bóng TVBQG đã thắng đội Nha Địa Dư, là đội đã từng vô địch mấy năm liền. Đại tá CHT và Ông Giám Đốc Nha Địa Dư cùng ngồi trên khán đài theo dõi trận đấu. Thủ môn Đặng Kim Thu đã xuất sắc chống

giữ khung thành. Đội bóng TVBQG đã thắng đội Nha Địa Du với tỷ số 3-1. Đại Tá CHT đã cho phép SVSQ Đặng Kim Thu, ĐĐ/ C lên xe của ông về trước đội bóng.

Ngày 16/08/1964, Đại Tá CHT bàn giao cho Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiểm từ Trường Hạ Sĩ Quan Nha trang về chỉ huy TVBQG.

Đại Tá Trần Văn Trung được bổ nhiệm làm Tham Mưu Phó Nhân Viên kiêm Trưởng Phòng I BTTM. Năm 1971 được thăng Trung Tướng nhiệm chức với chức vụ Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiểm là người ít nói nhất nếu so với các vị CHT tiền nhiệm.

K19 theo học Khóa “Rừng Núi Sinh Lầy“ tại TTHL/ BĐQ/ Dục Mỹ từ giữa tháng 10/1964 đến trung tuần tháng 11/1964. Đã có 2 biến cố quan trọng xảy ra trong thời gian thụ huấn này.

*Khi chuẩn bị đi học RNSL, các SVSQ không nghĩ thời tiết ở Dục Mỹ lạnh như Đà Lạt. Vì thế đa số không mang theo quần áo chống lạnh. Chẳng may, lúc khoá 19 đang được huấn luyện ở Căn Cứ Sinh, mưa bão đã kéo dài đến 20 ngày, mang theo thời tiết lạnh hơn bình thường và vô cùng ẩm ướt. Bộ quần áo trận chưa kịp khô thì lại hứng chịu cơn mưa khác. Các SVSQ/K19 đã phải mắc võng trên cây cao để tránh nước lụt phía dưới. Để tránh cho các SVSQ không bị cảm lạnh, các vị SQ trách nhiệm đã có sáng kiến mua bao nylon lớn (giống như bao nylon chúng ta đang bọc các bộ complet bây giờ) để các SV trùm vào người, thay áo ấm.

*Một tai họa thảm khốc xảy ra trong phân thực tập “Đột kích ban đêm“ gây tử thương 6 SVSQ gồm: Nguyễn Thế Long Trọng, Bùi Quang Vực, Nguyễn Khắc Vũ, Phan Thừa, Bùi Thịnh Túc, và Lê Quang Trị.

Một số bị thương gồm: Trần Văn Thuật, Nguyễn Thanh Tòng, Phạm Đình Thừa, Lê Viết Tùng, Nguyễn Văn Triệu,

Trần Văn Trang, Hoàng Trai. Hai người bị thương nặng là Lý Thanh Tình và Đinh Sơn Trung.

Sau thời gian học tại trường, sĩ số SVSQ của khoá 19 cũng không còn đầy đủ như ban đầu. Căn cứ vào kết quả học tập năm thứ nhất, một số đã rời khỏi trường, cộng thêm số SVSQ bị tử thương tại TTHL/ BĐQ/ Dục Mỹ. Số SVSQ khoá 19 chính thức tốt nghiệp vào ngày 28/11/1964 chỉ còn 395 người. Sau khi ra trường, tất cả đều được chuyển về các đơn vị tác chiến.

Trong 2 năm thụ huấn của K19, đã có 4 vị tướng lĩnh và sĩ quan luân phiên chỉ huy trường VBQG. Tuỳ theo quan niệm lãnh đạo của mỗi người, theo thời gian đã có nhiều thay đổi trong tổ chức của LD/ SVSQ. **Trừ Đại Tá Huyền, thời gian phục vụ của các vị chỉ huy trưởng khác tương đối ngắn, cũng như SVSQ ít có dịp diện kiến nên thật khó để có nhận xét về các vị này.**

Có 4 điều làm các CSVSQ/ K19 nhớ nhất:

- LD/ SVSQ/ K19 chiếm giải nhất đồng hạng với Trường Thiếu Sinh Quân trong ngày diễn hành 26/10/63 tại Saigon.

- Đội bóng tròn của TVBQG, mà đại diện là K19, lần đầu tiên đem về chức vô địch tỉnh Tuyên Đức.

- Các CSVSQ/ K19 đã biểu diễn thành công cơ bản thao diễn.

- Sáu bạn đồng khóa đã bị tử thương khi tham dự chương trình huấn luyện “Rừng Núi Sinh Lầy“ tại TTHL/ BĐQ/ Dục Mỹ.

Tác giả hy vọng bài viết này sẽ trình bày khái quát về hình ảnh các CSVSQ/ K19 trong thời gian thụ huấn. Nếu có thiếu sót, kính mong quý vị niên trưởng và các CSVSQ các khóa bổ túc hoặc đóng góp ý kiến cho tác giả.

Tài liệu tham khảo:

- Kỷ yếu CSVSQK18 & K19/TVBQGVN

- Lược sử QLVNCH

Nỗi lòng của Mẹ

Giang Văn Nhân, K22

Bà Sáu trần trọc không ngủ được, bà bước đến trước bàn thờ tổ tiên thấp nén nhang miệng lâm râm khấn vái. Bà thở dài khi nhìn tấm hình thằng con trai thứ Tư mặc kaki chụp để làm thẻ căn cước quân nhân lúc sắp mãn khóa. (Hình cỡ 4x6 mà mấy đứa em lòng khung kính để lên bàn thờ, vài tuần sau khi đơn vị của nó mất tin tức ở Thuận An vào cuối tháng 3 năm 1975.)

Bà, lấy chổi lông gà quét nhẹ bụi trên các khung ảnh, hồi tưởng thuở còn con gái, sinh trưởng ở làng Bình Đức, xã Điều Hòa tỉnh Mỹ Tho, đường đến bến bắc Rạch Miễu, cách cũng không bao xa. Một hôm có người đến nhà mai mối, sau lễ cưới bà phải theo chồng ở Sài Gòn. Lần lượt những đứa con trai ra đời trong hạnh phúc của vợ chồng bà và niềm vui của gia đình chồng. Nhờ ơn trên mấy đứa con khôn lớn khỏe mạnh, vì bên gia đình bà cũng như gia đình bên chồng, hai bà mẹ cùng sanh mười mấy người con nhưng số tử thì nhiều, số nuôi được thì không bao nhiêu. Bởi thế nhìn các con trưởng thành bà thấy đó là ân huệ của Thượng Đế.

Bà thường nghe ba mình (đạo Cao Đài) nói về tội ác của Cộng Sản (đội lột Việt Minh), thêm vào đó là lời của bác Tư làm việc ở Charner người Bến Tre, rồi bác Năm Y Tá sinh quán Tây Ninh. Năm 1954 với làn sóng người Bắc di cư vào Nam, bà nghe nhiều chuyện kể về sự tàn ác của cộng sản tại miền Bắc. Các câu chuyện của vợ chồng ông Diễm ở Thái



Bình, bác Hai người Hà Nội giúp bà hiểu rõ trách nhiệm bậc làm cha mẹ. Vì thế, vợ chồng bà hãnh diện tiễn đưa từng người con lên đường bảo vệ miền Nam tự do.

Bà biết rõ tình hình những ngày đầu tháng 4 năm 1975, khi đài phát thanh cũng như báo chí loan tin VNCH rút bỏ Huế, rồi kế tiếp ở Đà Nẵng, toàn bộ Sư Đoàn TQLC mà thằng Tư con bà phục vụ chỉ hơn một nửa được tàu chở về Vũng Tàu, số còn lại thất tán, mất liên lạc. Bà bòn chòn, ăn mất ngon, giấc ngủ chập chờn suy nghĩ mông lung. Thịnh thoảng con trai thứ Ba phục vụ đơn vị Không Quân ở Biên Hòa về nhà cho bà biết không có thêm tin gì nữa của các đơn vị TQLC tại Thuận An.

Lần nào bà đến hậu cứ Tiểu Đoàn 5 TQLC, đơn vị sau cùng của thằng Tư trong căn cứ Sóng Thần mấy lần để dò hỏi tin tức, lần nào bà cũng gặp rất đông thân nhân của những người lính đang nôn nóng chờ tin tức, cùng tâm trạng với bà, sau khi nghe phát thanh trên radio, đọc bài viết trên báo chí về cuộc triệt thoái của Lữ Đoàn 147 TQLC tại Huế, mà chỉ có một số ít thuộc Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn cùng Thương Binh vào được Đà Nẵng. Hầu hết 4 tiểu đoàn (Tiểu Đoàn 3, 4, 5, và 7) còn lại vẫn bật âm vô tín. Vị sĩ quan chỉ huy hậu cứ buồn bã trả lời với mọi người là tới giờ phút này ông cũng chưa xác định rõ tình trạng của đơn vị, chỉ biết ghi nhận và báo cáo là mất tích. Ông hứa cố gắng giúp thân nhân xin lãnh tiền tử tuất.



Lần cuối cùng bà gặp ông thân của Trung Sĩ Danh Bu Di, người lính rất thân cận của thằng Tư lúc ở Tiểu Đoàn 3. Ông Danh Kia cũng lo lắng về số phận con của ông, tuy nhiên ông cho bà biết tất cả sa cơ vào tay giặc, một số còn sống có nhắn tin trên đài phát thanh MTGPMN vào buổi tối.

Bà lắng nghe phần nhắn tin trên đài phát thanh của địch,

tiếng nói các cấp chỉ huy và bạn trang lứa của con bà, đặc biệt bà chú ý đến 2 đơn vị là Tiểu Đoàn 3 và Tiểu Đoàn 5 mà thằng Tư phục vụ, nhưng tuyệt nhiên không nghe tên của nó.

Cả 2 tuần lễ trôi qua không còn gì để cho bà hy vọng nữa.

Suốt gần 8 năm trường, từ ngày nó chọn đơn vị TQLC và lên đường hành quân vào cuối năm 1967 thì bà bắt đầu âu lo cho nó, vì phần lớn các tin chiến sự luôn luôn đề cập tới các đơn vị như Nhảy Dù, Biệt Động Quân, và Thủy Quân Lục Chiến.



Một đơn vị TQLC đang chuẩn bị “Trục Thăng Vận”.

Tết Mậu Thân 1968 Việt Cộng tấn công một số thành phố, nơi đó có các con của bà đồn trú. Bà lo lắng đến nỗi người hâm hấp nóng, tâm hồn bất an. Sáng mùng 7, một người bạn, cùng lớp ở Pétrus Ký tên Huỳnh Thiện Tấn*, đến nhà cho bà biết TĐ3/TQLC của

thằng Tư đang tảo thanh địch quân ở quanh khu vực bệnh Viện Nhi Đồng. Ngày hôm sau bà đem bánh mứt, đến thăm con lúc nó bố trí quân ở Ngã Sáu Chợ Lớn. Mười ngày sau Tiểu Đoàn 3 chiến thắng lớn ở Cầu Bình Lợi, Cô Hai Nghĩa ghé nhà cho bà biết thằng Tư đến thăm cô và nhờ cô nhắn về gia đình. Thời gian đó bà lại được tin thằng Hai ở Giang Đoàn 32 Xung Phong tham dự chiến trường vùng kinh rạch đồng bằng sông Cửu Long, thằng Ba ở Phi Đoàn 215 yểm trợ và bảo vệ trên vùng cao nguyên. May mắn, tất cả con của bà được an lành.

Năm 1962 để phụ chồng vừa nghỉ hưu, bà sang sạp bán phở Bắc trong chợ Phú Nhuận. Mấy tháng sau có người muốn

hoán đổi nên bà ưng thuận về chợ Tân Định, bên cạnh trạm xe ô tô buýt Sài Gòn Gò Vấp. Tại đây bà chuyên bán Bún Suông, Lặt Xá, Gỏi Giã, và Cháo Bôi. Hình ảnh, về tiệm bán bánh kẹo sang trọng đối diện qua đường Trần Văn Thạch, luôn ám ảnh tâm trí của bà. Bà chủ tiệm đó dáng người quý phái, gương mặt phúc hậu, có hai cậu con cao ráo trông rất bảnh trai. Cả hai người con vào quân đội, cùng tốt nghiệp trường Sĩ Quan Đà Lạt. Thỉnh thoảng bà thấy các cậu ra tiệm với mẹ mỗi khi về phép (năm 1964). Hai cậu đội mũ beret Nâu hay Đỏ gì đó. Khi ấy bà không biết, sau này thăng Tư đội mũ Xanh, được nó giải thích bà mới phân biệt rõ đơn vị. Bẵng đi một thời gian dài, bà nghe nói hai cậu trai đó lần lượt đền nợ nước.

Nhà của bà Sáu ở tận cùng trong xóm, từ trong nhà có thể nhìn rõ người lối xóm qua lại khúc quanh nơi đầu hẻm. Hàng ngày vào lúc mờ sáng, bà gánh hai nồi nước lèo nóng ra chợ, bận rộn phục vụ bạn hàng tới giữa trưa, sau đó thu dọn gióng gánh, mua thực phẩm hàng hóa rồi trở về nhà. Buổi chiều, bà và chồng chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng cho buổi chợ sáng ngày hôm sau. Trong lúc làm việc, bà thỉnh thoảng đưa mắt nhìn đầu hẻm. Cứ mỗi lần thấy bóng dáng người lính là tim bà co thắt lại, chân tay bủn rủn, nên bà phải tựa người vào tường và từ từ ngồi bệt xuống. Mãi đến khi bà nghe tiếng reo đón ba về của cháu Cu Kiệt, con của Kiềm lính Không Quân giữ an ninh phi trường Tân Sơn Nhất, hay tiếng nói rộn ràng của thằng Nờ, lính Biệt Động Quân vừa về phép, lúc đó bà mới bình tĩnh trở lại.

Chiến trường càng ngày càng khốc liệt, thì sự âu lo càng đeo đuổi, bám chặt vào bà. Khi những trận chiến ở Kampuchea năm 1970, ngã 3 biên giới Việt Miên Lào ở vùng cao nguyên, và ở Hạ Lào năm 1971 xảy ra, bà lo sợ van vái vong linh tổ tiên phù trì, giúp đỡ cho các con của bà tai qua nạn khỏi.

Thằng Năm tiếp tục nổi bước lên đường nhập học khóa 1/72 Thủ Đức, trong khi thằng Sáu được thu nhận vào khóa 72A không phi hành. Tháng Ba năm 1972, khi thằng Tư có

mặt ở Đông Hà rồi Quảng Trị, một lần nó bị trúng đạn phải điều trị tại bệnh viện gần hai tháng. Thời gian này bà được dịp chăm sóc nó, nấu thức ăn ngon mà nó ưa thích, cho tới khi nó tiếp tục trở ra chiến trường Quảng Trị. Thăng Ba, ở Phi Đoàn 231 Biên Hòa, yểm trợ đổ quân bảo vệ Bình Long, nhiều hôm trở về với máy bay mang nhiều lỗ đạn.

Cáo Phó, Phân Ưu trên các trang nhật báo làm bà lo sợ không dám đọc. Tuy là sống ở hậu phương, ngay giữa Thủ Đô Sài Gòn, nhưng tâm hồn bà như theo chân các con ở ngoài mặt trận. Khi bà nghe hoặc đọc trên nhật báo về một chiếc máy



TQLC trên bãi biển Đà Nẵng, tháng 3/1975.

bay trúng hỏa tiễn gãy cánh, bà cảm thấy buồn đau. Mỗi lần dõi mắt nhìn theo xe Hồng Thập Tự tản thương hụ còi chạy vội vã về hướng Tổng Y Viện Cộng Hòa, bà xót xa thần thờ thầm nghĩ đến con mình. Cứ mỗi lần có người thương binh đi ngang qua chợ là bà lập tức mời họ và đãi họ tô bún thật đặc biệt. Bà tâm sự nhiều với họ và biểu lộ lòng thương dành cho họ như cho các con của bà vậy. Bà thầm nghĩ chính những người lính này đã san sẻ vui buồn, nguy hiểm với con bà nơi chiến trường. Trước kia khi các con còn ở gia đình, bà lo cho chúng nó từng chút, giờ đây nơi chiến trường, những người lính, bạn đồng đội sẽ thay thế vị trí của bà.

Bây giờ thằng Tư đã thực sự ra đi, không biết thân xác nằm ở chốn nào, trong rừng hay trên bãi biển? Bà không dám hình dung cảnh tượng đó, duy có điều bà biết chắc thằng Tư không đơn độc, luôn luôn bên cạnh nó có bạn bè, chiến hữu cùng sống chết với nhau trên khắp chiến trường, từ vùng đất bồi tận mũi Cà Mau đến sông Bến Hải. Trong niềm đau xót đó, bà chợt cảm thấy chớm lên chút hãnh diện vì con của bà đã đền nợ nước, làm xong nhiệm vụ người trai thời chiến.

Sau ngày mất miền Nam tự do, thằng Hai con trai lớn của bà trình diện và khăn gói đi tù “cải tạo”, bị nhốt trên Trảng Lớn. Thằng Ba trong những ngày cuối cùng của Sài Gòn, nó cho bà biết sẽ bay xuống Cần Thơ, hiện tại không có tin tức gì về nó. Thằng Năm vẫn được trưng dụng tiếp tục dạy học trò ở trường Trung Học Kỹ Thuật Nha Trang. Thằng Sáu trình diện ở Sài Gòn, thằng Bảy từ Đồng Đế chạy về, cả hai phải chịu Cộng Sản “nhồi sọ” một thời gian ngắn tại địa phương. Bà bị lên án gia đình “Ngụy”, trong khi sập hàng của bà ở chợ bị tịch thu. Vì thế, bà cố gắng xoay trở, cùng các con mua đi, bán lại kiếm từng đồng để tồn tại.

Vài tháng sau, bà nhận tin thằng Ba đoàn tụ được với vợ con trong trại ty nạn. Niềm vui chưa tan biến thì đầu tháng 10 một người xa lạ từ miền Trung tìm đến nhà. Cô gái, nói giọng Huế thật dễ thương, với chút ngờ ngàng trên gương mặt, tươi cười cho bà biết thằng Tư còn sống, đang ở trong trại tù Cồn Thiên ngoài Quảng Trị. Cả gia đình bà reo vui trong làn nước mắt. Cô gái lắng nghe lời tâm sự, khi bà lấy khung ảnh thằng Tư xuống khỏi bàn thờ. Sau đó, cô hướng dẫn bà cách thức đi thăm con, và mời bà ghé nhà của cô ở Huế.

Sau cuộc chiến các con của bà được sống sót bình an. Mặc dù VNCH đã mất, nhưng tinh thần của miền Nam tự do vẫn mãi tồn tại trong tâm hồn vợ chồng con cái của bà. Nhờ quà vợ chồng thằng Ba từ Mỹ gửi về, bà dành dụm, rồi cố công dò la, tìm nơi tổ chức, rồi chuẩn bị cho từng người con vượt biên. Thằng Tám ở Pulau Galang, Indonesia; thằng Sáu đến

Songkhla, Thailand; thăng Tư vào Pulau Bidong, Malaysia; thăng Năm cập bến Terengganu, Malaysia.

Ngày còn Miền Nam tự do, các con của bà thương yêu nhau, cùng hy sinh tuổi trẻ để chiến đấu chống cộng sản bảo vệ quê hương; ngày nay tuy nước mất, không còn Việt Nam Cộng Hòa, anh em sống nơi xứ người, bà mong sao các con đùm bọc trong tình thương gia đình, đừng giận hờn ghét bỏ nhau, vì thời gian dù có trôi qua nhưng hoàn cảnh nào chẳng nữa, các con cũng vẫn còn là con của Mẹ. Đó là niềm ước muốn duy nhất của bà. Dù vật đổi, sao dời, nhưng tình Mẹ Việt Nam lúc nào cũng trọn vẹn dành hết cho các con, nét đẹp cao quý của một bà Mẹ Việt Nam.

Trước khi bà nhắm mắt các con lần lượt về thăm Mẹ. Người mà bà lo âu nhiều nhất, bao lần bà vất vả, vượt đường xa, băng suối, xuyên rừng đến các trại tù, cuối cùng thăng Tư đem hai con nhỏ về thăm bà, may mắn vượt mắt Mẹ, và ngậm ngùi đưa bà ra Nghĩa Trang.

Hàng năm tới ngày giỗ Ba, rồi giỗ Mẹ, tuần tự các con luân phiên chia nhau tổ chức. Anh em tề tụ, con trai, con gái, các nàng dâu, trở tài nội trợ, giờ đây có thêm cháu, thêm chất nên tiếng nói cười càng rộn rã. Trong ánh đèn, hương nhang khói tỏa ra, lung linh di ảnh Ba Mẹ Việt Nam như đang nở nụ cười.

**Huỳnh Thiện Tấn: học sinh trường Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho chuyển lên Sài Gòn vào cùng lớp Đệ Tam B1 Pétrus Ký, bạn học cho đến Đệ Nhất B1. Tốt Nghiệp Quốc Gia Hành Chánh. Năm 1972 là Phó Quận Trưởng và đã hy sinh trong thị xã An Lộc.*



Nhu Hoa Âu Tim, K26/1

“Shalom - chaverim, Shalom – chaverim. Shalom, shalom; L’hitra’ot - L’hitra’ot. Shalom, shalom.

Shalom, o my friends. Shalom, o my friends. Shalom, shalom; Till we meet again, till we meet again. Shalom, shalom.

Au revoir mes amis. Au revoir mes amis, au revoir - au revoir. Nous nous revenons, nous nous revenons. Au revoir, au revoir.

Farewell good friends. Farewell good friends, farewell, farewell. Till we meet again, till we meet again. Farewell, farewell.

Rời tay giây chia ly. Bạn ơi vui lên đi, bạn ơi! Vui đi. Gian khó ta không nề, ghi nhớ nhau muôn đời. Từ nay cách xa.”

Bài ca tạm biệt đã hát vang trước khách sạn Ibis gần phi trường Frankfurt. Cuộc du hành sau đại hội Châu Âu lần thứ 13 đã chấm dứt, hơn 120 cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt và thân nhân chuẩn bị lên máy bay trở về nhà, với nỗi niềm nào còn vương lại trong tim sau hai tuần chia ngọt sẻ bùi, chia nóng lạnh mưa

năng cùng nhau.

Tim tôi luôn chao nhấp khi nghe điệu nhạc dân ca Shalom Chaverim của người Do Thái - Chúc bạn bình an ngày ta gặp lại - bài hát ngắn, cùng những nốt nhạc nhẹ nhàng từ khởi thủy đã trở thành bài hát mang tính tử biệt khi đoàn người Do Thái đã nắm tay nhau cùng hát, tiến đến lò thiêu sống vào thời đệ nhị thế chiến.

Tôi đã hát nhiều lần trong những buổi cắm trại Nghĩa Sinh – Hương Đạo sinh toàn quốc, vào những đêm không ngủ để sáng hôm sau đoàn chia tay về lại tỉnh nhà. Năm 1972 sau khi cùng Nghĩa Sinh làm công tác xã hội giúp các nạn nhân chiến tranh tại tỉnh Tây Ninh, tôi đã đau lòng nghe tin hai trường bị tử nạn trên đường về Trung vì xe bị mìn của Việt Cộng. Bài hát chia tay thành bài ca vĩnh biệt.

Lần này tim tôi đau hơn sau khi đã tận mắt nhìn tám lò hơi ngạt giết người Do Thái trong khu trại Auschwitz tại Ba Lan. Tôi đã thần thờ ngồi bên tuyến đường sắt dõi tầm mắt nhìn sâu hun hút vào phía trong, tai dường như nghe tiếng xe lửa xầm xập nghiêng đường ray, thấy từng đoàn người già trẻ lớn bé bị lừa đi như thú vật, bị chọn lựa người sang bên sống, kẻ vào cối chết. Những hạt sỏi dưới chân tôi kêu lạo xạo, linh hồn những người hát vang bài ca chia tay ấy hẳn đã bình an gặp nhau nơi thế giới khác không còn oán hờn đua tranh ghen ghét. Bầu trời hôm tôi ghé thăm trại Auschwitz xám xịt lắc rắc mưa và nóng, cơn nóng nhiều người quanh tôi than thở, tôi rùng mình nghĩ đến hơi ngạt và lò thiêu năm 1944 nóng đến nổi nào!

Đây cũng là lý do tôi buông lời nài van anh Đặng Văn Khanh, Khóa 25 người anh hiền hòa thân thiện, đứng mũi chịu sào dẫn phái đoàn đồng đảo du lịch qua năm quốc gia Đức - Ba Lan - Hung Gia Lợi - Slovenia - Áo, dừng chân thăm viếng các tỉnh thành, dừng hát hết bài Salom Chaverim trên chặng đường cuối khi chúng tôi còn rong ruổi cùng nhau.

Đại hội Châu Âu lần thứ 13 được tổ chức rất trân trọng

trong tinh thần anh em cựu sinh viên sĩ quan của Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Từ khắp nơi Pháp - Đức - Hòa Lan - Na Uy - Úc - Canada - Mỹ hội tụ, khóa lớn nhất là 17 đến khóa trẻ nhất là 31.

Khán phòng đầy ắp người trong không khí tràn tình gia đình thân thuộc. Tiếng hỏi câu chào râm ran khắp chốn cho dù nét mệt mỏi sau chuyến bay dài đến dự hội vẫn còn vương trên khuôn mặt mọi người. Việc tổ chức được buổi đại hội toàn khối Châu Âu, với sự góp mặt của các thành viên từ khắp nơi trên thế giới, không dễ dàng gì, nhất là khối Châu Âu không có đông đảo thành viên, lại sống rải rác khắp nơi. Nhưng nơi đây đã 13 lần tổ chức đại hội thành công mỗi hai năm, 26 năm ròng rã khởi đi từ niên trường K10 Mai Ngọc Sáng.

Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu của khối Châu Âu là điểm sáng nổi bật, các em biết mình muốn gì khi gia nhập đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu. Họ mang danh là thế hệ thứ hai nhưng tuổi đời đã già dặn, hơn 60 tuổi cũng có, trung niên 50 – 40 rất nhiều, hạn tuổi này gia đình sự nghiệp đang lúc cần phải vun bồi. Bên cạnh các em độ tuổi trên dưới ba mươi không ít. Một số đã học xong, một số vẫn đang trình luận án để nhận văn bằng tiến sĩ - bác sĩ. Họ đến với nhau, cùng giúp cha mẹ tổ chức đại hội để được gặp lại các bạn trên toàn thế giới là chính, cùng nhau đi chơi kết thân tình như gia đình, và như Lộc một đoàn viên đã góp ý và được anh Nguyễn Văn Tạo khóa 26 lưu giữ phim



Tác giả đang đứng tựa vào những năm mờ tưởng niệm người Do Thái bị Phát xít Đức giết.

trên trang face book:

https://www.facebook.com/pg/TVBQGVN.KBC4027/videos/?ref=page_internal phút thứ 4.08.

Tôi hoàn toàn thông cảm và hiểu lý do tại sao em đưa ra lý do chính đáng: **không cần định hướng mục tiêu quá to tát, hãy gây dựng nhân lực bằng tình thân là điều chính yếu, để các em có thể đến cùng nhau và sau đó với sự hiểu biết và năng lực họ sẽ tự đặt ra điều cần làm để phù hợp với diễn biến chính trị trên toàn thế giới.**

Tôi đã về nhà sau khi dự đại hội Châu Âu lần thứ 13, sau khi chu du ngắm nghía các góc cạnh đẹp xấu của lịch sử. Kết quả của đại hội còn trong tôi là niềm tin vào thế hệ thứ hai. Những suy nghĩ ý kiến của các anh chị em khi tôi có dịp tiếp xúc là:

Nói kết niềm tin giữa hai thế hệ, không bị áp đặt hay ép buộc, tự nguyện tìm tòi tiếp nối lý tưởng cha ông.

Mai Ngọc Diệp - Mai Ngọc Sương - Mai Đức, hậu duệ của niên trưởng Mai Ngọc Sáng khóa 10, đã, đang, và vẫn gập bó hết lòng trong tất cả mọi sinh hoạt của gia đình CSVSQ của TVBQG Đà Lạt. Lương Thanh Hồng Lĩnh, hậu duệ của niên trưởng Lương Thanh Lập K19, thời gian ít ỏi không nói chuyện được nhiều. Chỉ qua vài câu hỏi và trả lời tôi, đã biết tinh thần anh chị em dần thân theo gương Cha đã truyền lại. Con của các anh chị Hoàng Tôn Long - K31, Nguyễn Hữu Xương - K26 và nhiều nữa tôi không biết rõ nên không dám ghi lại, đã để lại trong tôi lòng cảm mến không nguôi.

Tôi biết TTNDH đã làm những công tác không tên trong các đại hội như đưa đón tại phi trường, lau dọn bàn ăn phòng ngủ trong khu vực được thuê, phụ mẹ làm bánh nấu nướng cho các buổi hội thảo, khai mạc, bế mạc. Đưa các bác, các cô, các chú từ xa đến thăm các thắng cảnh chung quanh khu vực đại hội. Không ít TTNDH mang theo con nhỏ. Thế hệ thứ ba này cũng vui vẻ lãng xăng theo cha mẹ ông bà và tìm bạn mới

dù chỉ có vốn vẹn ba ngày. Tôi yêu những mầm sống mới có nguồn gốc Việt Nam đang vươn lên trên các miền đất nước tự do, các cháu có màu mắt xanh của cha, mái tóc dài đen nhánh của mẹ, tiếng chào ngọt ngào pha trộn hai ngôn ngữ, nghe hát cùng hát dù không hiểu nghĩa vẫn đòi theo dự hội. Tôi hân hạnh được hát chung với các anh chị em bài Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Hành Khúc của niên trưởng Nguyễn Tiến Việt, K23.

- Cô cũng biết hát bài này sao?



Gia đình Võ Bị thế hệ thứ 2, 3 tham dự đại hội.

- Ủ, cô là TTNDH mà!

Hồng Lĩnh, ngạc nhiên khi biết tác giả bài hát Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ là của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, ngạc nhiên hơn khi biết tôi hát được tất cả các bài hát các anh chị em đã tập chung với nhau mới và cũ. Nếu Hồng Lĩnh biết tôi đã sinh hoạt trong phong trào du ca thuở trước thì em đã không phải tròn mắt như thế. Đã lâu lắm rồi tôi không còn sinh hoạt gì trong các phong trào dành cho thanh thiếu niên, nhưng có dịp là dòng máu sôi nổi của tuổi thanh xuân sôi xục lại không sao kìm hãm được.

Sau đại hội tôi có dịp tiếp xúc nhiều hơn với các TTNDH, từ miền Đông Mỹ: hậu duệ của niên trưởng Nguyễn Văn Dục K17 Diễm Anh và Tiên Dũng, từ miền Tây Mỹ: cháu Nguyễn Hằng Michell, “Đến với đại hội để gặp lại các bạn bên ấy!” là câu trả lời cho câu hỏi: “Tại sao đi dự hội?”

Đặc biệt là hai cháu Bích Phượng và Tuấn Khoa, hậu duệ của anh chị Đặng Văn Khanh - Khóa 25. Khen hai cháu có lẽ không lời nào đủ để diễn tả tấm lòng riêng tôi mến phục, ngay cả các thành viên trong đoàn du ngoạn đều nhắc đến hai cháu với những mỹ từ quý yêu mong ước con mình được như thế. Các cháu nói tiếng Việt với các bác, các chú, các cô, hướng dẫn chi tiết, canh chừng từng chút để không bị bỏ rơi dù trên các tuyến đường xe buýt, xe lửa đông đảo. Thông cảm và hiểu biết nhu cầu của các bác, các cô, các chú, nhất là các cô thích chụp hình, Khi tôi muốn chụp thêm hình vẽ lạ trên bức tường Bá Linh đổ vỡ, Khoa nói:

- “Cô đưa máy cháu chụp hình cho còn 5 phút nữa không sao, muốn sang đến đây khó lắm!”

Khi viết bài này tôi vẫn nhớ giọng nói lơ lơ dễ thương của cháu. Bài hát Giã Từ Vũ Khí cháu hát hay vô cùng, dù cháu tập với chiếc điện thoại cầm tay.

Bốn giờ sáng, Khoa đã lái xe đưa vài gia đình vào sân bay Frankfurt vì xe buýt của khách sạn chỉ bắt đầu lúc 5 giờ:

- “Các bác các cô các chú đừng lo, cháu không cần ngủ!”

Chúng tôi đi chuyển buýt thứ hai lúc 5.35 vào phi trường. Cháu Bích Phượng, ra tận xe chào từ giã các bác, các cô, các chú, vào trong xe và chỉ rời xe khi tài xế bắt đầu chuyển bánh. **Trời mưa không nặng hạt nhưng trên mặt tôi vương bao nhiêu giọt yêu thương, tấm lòng của cháu dành cho bạn Võ Bị của ba mẹ trong veo như chiếc ly pha lê tinh khiết.**

Đi du lịch xa nhà, người đi chỉ biết ngắm những nơi mình đã được biết qua sách vở, nhất là những quốc gia đã tự phá bỏ chủ nghĩa giáo điều cộng sản để xây dựng lại đất nước tự do,

tôn trọng quyền làm người. Bức tường chia cắt Đông - Tây Bá Linh, những khu nhà bỏ trống cỏ mọc cao quá đầu người, bên cạnh những cần cẩu cao ngất trời và những tòa cao ốc mới xây, chúng tôi một Đông Đức đang vươn mình sống dậy. Đầu đó, những tàn tích cũ còn để lại như tiếng thở dài của tôi buổi sáng sớm lang thang xuống phố, đặt tay lên bờ tường chia cắt Đông - Tây Bá Linh mà ước gì đất nước Việt Nam của tôi năm 1975 đập lên chủ nghĩa cộng sản xóa vĩ tuyến 17, không giết người trong trại cải tạo, không đuổi người ra biển vùi thây.

Tháng 8, tôi bước trên hè phố Ba Lan. Nhìn những đóa hoa, ngọn nến bên vệ đường tưởng niệm những nạn nhân xấu số thời Đệ Nhị Thế Chiến, cho dù ngày chính thức là 23 tháng 8, ai không khỏi ngậm ngùi và tự hỏi tại sao có thể như thế nhỉ? Đến Hungary, 60 đôi giày xếp dọc bờ sông, tấm bảng ghi rõ lý do tại sao có những đôi giày này:

“To the memory of victims shot into the Danube by the Arrow Cross militiamen in 1944-1945 Erected 16th April, 2005”

Bao giờ nhỉ, Việt Nam tôi có những biểu tượng lưu lại việc làm thất nhân tâm của cộng sản: cải cách ruộng đất khiến 500 ngàn người bị giết – cải tạo tư tưởng quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa khiến nửa triệu người bị cầm tù, vài trăm ngàn người mất thây, trong đó có Cha của tôi?

Son Of Saul đoạt giải phim ngoại quốc hay nhất Oscar 2016 của nhà đạo diễn Hung Gia Lợi Laszlo Nemes, đưa những hình ảnh Đức Quốc Xã sống lại, lời bàn của Khải Đơn người xem phim tôi đọc được ý thế này:

Chưa có cảnh tượng nào về các phim Phát xít Đức được mô tả kinh khủng đến vậy. Hoàn toàn không có máu me, cũng chẳng có gì bạo lực, thậm chí hầu hết cảnh có xác người trong lò thiêu đều được quay mờ nhạt và thoáng qua đến nỗi chẳng ai kịp thấy gì kinh tởm. Cái kinh tởm mà László Nemes – đạo

diễn bộ phim – làm được, có lẽ là cho người xem có được cảm giác thực sự về cái kết nối của những hành vi bạo tàn này với sự tỉnh táo của con người.

Nhiều lúc, giữa phim, nhận thức về lò thiêu phi lý đến mức tôi đã tự hỏi tại sao chừng ấy ngàn con người, cả kẻ mạnh lẫn kẻ yếu, phải khổ sở khốn cùng ở đây, cả kẻ khốn cùng lẫn người cảm sung tự đắc. Hành vi của họ đã vượt quá nhận thức thông thường của tôi về con người.

Lò hơi ngạt là một biểu tượng không phải vì lợi ích, không vì thù địch. Nó không còn là sự sung sướng được trả đũa, mà chỉ giống một cái lò mổ thịt người.

Vì một động cơ huyền bí nào đó, một cỗ máy bí mật đã lên cót, từng người như Saul, như đám sĩ quan phát xít, và như mấy chục ngàn người lê bước vào lò. Họ chậm rãi, như bị thôi miên và được thuyết phục bởi một ý chí siêu nhiên: bèn làm thịt nhau sau đó thiêu thành tro bụi. Đó có phải là cách mà nền văn minh của con người bị sụp đổ? – Từng tế bào của loài người bị thôi miên để tiến tới huỷ diệt trong sự tự nguyện. Có kẻ kháng cự yếu ớt, kẻ im lặng chịu đựng, kẻ hăm hở thực hiện, kẻ nồng nhiệt nghĩ ra những kế hoạch hào nhoáng giết được nhiều đồng loại nhất. Có bao nhiêu lần nhân loại đạt tới sự đồng điệu đó để huỷ diệt lẫn nhau?

(Trích nguồn: <https://khaidon.com/2016/03/13/o-lo-thieu/>)

Thành quách lâu đài nguy nga, tượng đồng, tượng ngọc được trạm khắc khắp nơi trên các xứ Đông Âu không làm tôi say mê bằng những dấu tích ghi lại tính cách con người của từng thời đại. Khải hoàn môn, xa hoa phù phiếm phải xây dựng trên máu và nước mắt của dân chúng cùng đing. Tôi chiêm ngưỡng nét đẹp, đồng thời thương cho bao súc con người đã bị ép buộc phải xây dựng nên chúng. Cuối cùng vua chúa nữ hoàng của các đing thự cao sang cũng thành bụi tro bên trong hầm mộ tối. Những chiếc hòm kim loại đom đàng kia được gìn giữ hàng bao thế kỷ chẳng nói nên được ý nghĩa

gì hơn về cuộc sống, có chăng là: “Sống để khổ rồi chết!” Nét đẹp yêu kiều của nữ hoàng Áo quốc Sisi trong cung cấm rộng mênh mông thếp vàng dát bạc có chi là hạnh phúc khi quân vương mê mải đâu đó không về! Tình nào lấp cho đủ nỗi quạnh hiu, khu vườn thượng uyển buồn thiu hun hút dạo một mình cùng đoàn tùy tùng thê thảm.

Được nhúng chân vào dòng nước sông Danube trong thơ, trong nhạc cũng là điều thú vị, mọi ưu phiền dường như trôi đi



Để tưởng nhớ những nạn nhân bị Dân Quân Arrow Cross (Một tổ chức cực đoan theo Phát Xít Đức.) bắn chết và đẩy xuống sông Danube, năm 1944-1945.

theo nước, sóng đời không ngừng nghỉ đọng lại là tình người dành cho nhau. Tôi, nằm trên cỏ ven bờ sông Danube, khi gió hiu hiu thổi cơn nóng bất thường buổi xế chiều dịu lại, ngắm nhìn thanh niên, thiếu nữ chung quanh. Ai cũng chăm chú nhìn vào cell phone vì khu này có wifi, nét vui hiện trên từng khuôn mặt. Quá khứ đau buồn ghi trong sử sách phải chăng không còn trong ký ức của họ? Phải chăng họ chỉ biết đôi chút qua các du khách ghé thăm, qua hoa gài trên những chiếc giày hoe ri? Từng đoàn người xếp hàng mua vé vào xem các trại tập trung của Đức Quốc Xã thuở nào, còn lại là nếp sống hối hả với sóng truyền internet, với ước sống ngồn ngộn phơi bày

trên màu da rám nắng mạnh khỏe. Nhìn thấy quốc gia chăm sóc, nâng đỡ tuổi trẻ, kính trọng người lớn tuổi, ta có thể biết quốc gia ấy văn minh tiến bộ mạnh mẽ trong tương lai. Tôi nhớ thuở nào Việt Nam Cộng Hòa đã đạt được điều ấy:

“Học sinh là người tổ quốc mong cho mai sau - Học sinh xây đời niên thiếu trên bao công lao - Lúc khắp quốc dân tranh đấu hy sinh cho nền độc lập - Học sinh nê chi tuổi xanh chung sức phấn đấu - Đem hết can tràng của người Việt Nam tiến lên!

Học Sinh là mầm sống của ngày mai - Nung đúc tâm hồn để nối chí lớn - Theo các thanh niên sống vì giống nòi - Liều thân vì nước, vì dân mà thôi...”

Ngày nay đảng Cộng Sản VN đã phá bỏ công dân giáo dục, đã để mặc phần đông thanh niên giẫy giụa trong hỏa mù tiền là trên hết, trong văn hóa nhược tiểu pha trộn Tàu - Hàn - Nhật. Một số ít người được cha mẹ hiểu biết giữ lễ lối xưa dạy dỗ. Không biết họ có vực dậy và đủ nhân tố làm cách mạng xây dựng nền tự do, độc lập, dân chủ cho mảnh đất uốn cong hình chữ S bên bờ Thái Bình Dương? Tôi đi, nhìn, ngắm, ước ao một ngày thanh niên Việt Nam của tôi có đời sống lành mạnh như thanh niên các nước hậu xã hội chủ nghĩa Châu Âu.

Tôi thật sự biết ơn các anh chị trong gia đình Võ Bị khối Châu Âu đã tạo điều kiện cho chúng tôi được nhìn tận mắt những gì đã được học - đọc trong sách sử, ngắm những cảnh đẹp con người tạo ra tự thuở xa xưa, và được trầm mình trong nghĩa tình Cù Võ Bị, không chỉ riêng Khóa 26, mà còn các chị K16, các niên trưởng K17 - 18 - 19 - 20 - 21 - 22 - 23 - 24 - 25, các anh chị K 27 - 28 - 29 - 31. Cảm ơn quý niên trưởng đã ưu ái khuyến khích người viết, cảm ơn các chị, các anh đã tìm gặp mặt để không cất câu: **“Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình!”**

Chuyến đi dài và đông đảo không sao tránh được điều bất như ý, tất cả bất như ý tôi đã để lại phi trường Frankfurt. Bao

kỷ niệm đẹp của chuyến đi dài 4000km, cùng giọng nói, tiếng cười, câu hát trên xe, viên kẹo ngọt, ly nước thơm, các chị bảo bọc các em, ngay cả câu nói dễ thương: **“Lấy tiền của em xài nè. Khởi cần trả!”** của Khóa 31, và cái bắt tay thân thiết chúc về bình an trong lúc trú mưa của niên trưởng Khóa 18, **được tôi cất vào ngăn ký ức tình tự Võ Bị, mà chỉ gia đình Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt mới hiểu được khối tình này.**

Điểm son của chuyến đi hơn 120 người là ý thức kỷ luật và tinh đồng đội cao, khiến những người tài xế Đức của ba chiếc xe buýt du lịch đã nói:

“Chưa có đoàn du lịch nào đúng giờ như đoàn này!”



Các anh chị thuộc Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.